HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 81/2026/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ để thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, dân di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn và lĩnh vực giảm nghèo;

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét Tờ trình số 420/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung và mức hỗ trợ để thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, dân di cư tự do, khu rừng đặc dụng định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ để thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ để thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, dân di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Quyết định số 590/QĐ-TTg, Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ về nhà ở

Hộ gia đình thuộc các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được hỗ trợ kinh phí làm nhà ở trực tiếp bằng tiền mặt, với mức hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ.

2. Hỗ trợ khai hoang (nếu có)

Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất đối với hộ gia đình có điều kiện khai hoang (địa bàn bố trí ổn định dân cư còn quỹ đất sản xuất cấp cho hộ gia đình khai hoang), với mức hỗ trợ 22,5 triệu đồng/hộ/ha.

3. Hỗ trợ lương thực cho hộ gia đình, cá nhân (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư) là 15kg gạo/người/tháng, thời gian hỗ trợ 12 tháng.

4. Hỗ trợ nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung): Hỗ trợ 03 triệu đồng/hộ cho việc tự tạo nguồn nước sạch sinh hoạt khác.

Điều 4. Kinh phí, nguồn vốn thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 10 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 25 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd (Dtlg).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Đức Tuy